

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 19/8/2020
“V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thế Nghiệp.

2. Ông Kiên Ngọc Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-DS, ngày 28/02/2020 về vụ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Ánh N, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 5*, xã A, huyện C, tỉnh T. (Có mặt)

Bị đơn: 1. Anh Trần Văn Bé T, sinh năm 1972;

2. Chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã AT, huyện C, tỉnh T. (Các bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hồ Thị Ánh N là nguyên đơn trình bày: chị có bán thức ăn gia súc cho vợ chồng anh Trần Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Hồng N1, mục đích mua thức ăn để chăn nuôi gà, hai bên thỏa thuận bên mua nhận thức ăn đến khi gà xuất chuồng thì thanh toán cho bên bán. Chị đã bán cho anh T, chị N1 nhiều lần cụ thể như sau:

- Đợt 1: Từ ngày 20/3/2019 đến ngày 08/7/2019 chị đã giao thức ăn là 331 bao thành tiền là 92.680.000 đồng. Ngày 08/7/2019 vợ chồng chị N1 có trả cho

chị nhưng chưa đủ và còn nợ lại là 57.680.000 đồng, lần mua này bên anh T và chị N1 có ghi xác nhận số tiền nợ vào sổ của chị, hiện chị đang giữ.

- Đợt 2: anh T, chị N1 bắt đầu mua từ ngày 01/5/2019 đến ngày 01/9/2019, chị giao tiếp là 188 bao thành tiền 53.461.000 đồng. Ngày 07/8/2019 vợ chồng chị N1 có trả cho chị 10.000.000 đồng, còn nợ lại là 43.461.000 đồng, anh T và chị N1 có ghi xác nhận số tiền nợ này vào sổ của chị, hiện chị đang giữ. Đến nay anh T, chị N1 còn nợ chị tổng số tiền là 101.141.000 đồng.

Chị có nhắc nhở anh T và chị N1 nhiều lần, nhưng anh, chị hứa hẹn bán đất xong sẽ trả cho chị số tiền trên nhưng đến nay không trả.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết buộc ông Trần Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Hồng N1 phải trả cho chị số tiền còn nợ là 101.141.000 đồng. Chị không yêu cầu tính lãi.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng N1 là bị đơn trình bày: vào năm 2019 vợ chồng chị có mua thức ăn chăn nuôi gia súc của chị N, mua theo từng đợt chăn nuôi, hình thức trả tiền khi nào xuất chuồng thì trả tiền cho chị N. Do chăn nuôi thua lỗ, giá rẻ, gà chết nên vợ chồng chị không có khả năng trả lại tiền cho chị N.

Đến nay chị thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc của chị Nguyệt là 101.141.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả số tiền trên cho chị N. Do hoàn cảnh gia đình đang khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng bằng 2.500.000 đồng và trả cho đến khi hết số nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn Bé T là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, là rút lại số tiền 5.000.000 đồng trong tổng số tiền 101.141.000 đồng, chỉ yêu cầu chị N1 và anh T trả lại 96.141.000 đồng và không có cung cấp chứng cứ mới. Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án,

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn chị Hồ Thị Ánh N đã chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng; các bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N1 và ông Trần Văn Bé T chưa chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng vắng mặt tại các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; đối chất và phiên tòa, mặc dù đã được thông báo hợp lệ, do đó căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo luật định.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, 280, 430, 431, 432, 433, 440 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ánh N.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N1 và anh Trần Văn Bé T phải có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Ánh N số tiền mua thức ăn còn nợ là 96.141.000 đồng. Chị N không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 5.000.000 đồng.

Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị Hồng N1 và anh Trần Văn Bé T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Chị Hồ Thị Ánh N không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Hồng N1 là bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ đến tham dự phiên tòa 02 lần (lần thứ nhất vào ngày 03/8/2020; lần thứ hai vào ngày 19/8/2020) nhưng cả 02 lần ông Tám và chị Nhiên đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo luật định.

[3] Nội dung tranh chấp: yêu cầu của nguyên đơn chị Hồ Thị Ánh N yêu cầu anh Trần Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Hồng N1 trả lại cho chị tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc còn nợ là 101.141.000 đồng; mặc dù chị N1 và anh T vắng mặt tại Tòa hôm nay nhưng qua bản tự khai của chị N1 vào ngày 29/4/2020 thì chị N1 thừa nhận vào năm 2019 vợ chồng chị có mua thức ăn chăn nuôi gia súc của chị N đến nay còn thiếu tổng số tiền là 101.141.000 đồng. Như vậy, việc mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc giữa chị N với chị N1 và anh T là có thật. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về chứng cứ chứng minh thì

các đương sự không cần phải cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Quá trình giải quyết vụ án, chị N có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, rút lại số tiền 5.000.000 đồng, chỉ yêu cầu anh T, chị N1 trả lại 96.141.000 đồng. Do anh T, chị N1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như thỏa thuận của các bên, nay chị N yêu cầu anh T, chị N1 trả lại tiền còn nợ 96.141.000 đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên tuyên buộc anh T và chị N1 có nghĩa vụ trả lại cho chị N số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc còn nợ là 96.141.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: chị N không yêu cầu trả tiền lãi nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: do được chấp nhận yêu cầu nên chị N không phải chịu án phí; anh T và chị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 92, Điều 147, 227, 228, 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, 280, 430, 431, 433, 440, 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ánh N.

Buộc anh Trần Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Hồng N1 trả cho chị Hồ Thị Ánh N tổng số tiền còn nợ là 96.141.000 (*Chín mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn*) đồng. Chị N không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 5.000.000 đồng do nguyên đơn rút lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Trần Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Hồng N1 có nghĩa vụ nộp 4.807.000 đồng. Chị Hồ Thị Ánh N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Hồ Thị Ánh N 2.529.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0007410, ngày 26/02/2020 do chị N nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Án xử công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung